

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Tòa nhà Tín Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Lân	Thành viên
Ông Trần Minh Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ VÀ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN



Phạm Hoàn Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Số: 100 /VACO/BCSX.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An, được lập ngày 18 tháng 07 năm 2017, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyễn Đức Tiến****Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho***CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tp. HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.559.581.115	19.517.776.349
I. Nợ ngắn hạn	310		18.559.581.115	19.517.776.349
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		124.918.732	84.711.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	89.021.105
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7	49.459.862	5.627.050
4. Phải trả người lao động	314		935.632.212	2.196.410.372
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	15.059.881.911	14.723.317.544
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.389.688.398	2.418.688.398
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.087.293.499.550	880.792.677.780
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	1.087.293.499.550	880.792.677.780
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.644.654.711	7.644.654.711
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.069.929.634	2.069.929.634
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.421.084.795)	(28.921.906.565)
- (Lỗ) chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.921.906.565)	(13.854.673.793)
- LNST/ (Lỗ) chưa phân phối kỳ này	421b		6.500.821.770	(15.067.232.772)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.105.853.080.665	900.310.454.129
(440 = 300 + 400)				

SAB
CH
NHP
C
CHI
KI
/4/
110/
NG
PV
KHÍ
IAT
NGP
TRA

Đồng Nai, ngày 18 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CP DẦU KHÍ VÀ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Dh

Nguyễn Đức Nhơn
Người lập biểu

MDL

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn Chủ tịch
Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	16.094.294.953	5.705.923.751
7. Chi phí bán hàng	25	16	-	600.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16	9.597.473.183	8.931.684.222
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		6.496.821.770	(3.226.360.471)
10. Thu nhập khác	31		4.000.000	18.894.435
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.000.000	18.894.435
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.500.821.770	(3.207.466.036)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	-	-
15. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		6.500.821.770	(3.207.466.036)
16. Lãi/ lỗ cơ bản trên cổ phiếu	71	19	72,14	(511,56)

Đồng Nai, ngày 18 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CP DẦU KHÍ VÀ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Nguyễn Đức Nhơn
 Người lập biểu

Đào Minh Tùng
 Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

85
 NI
 HỌI
 ĐỒNG
 QUẢN
 TRỊ
 CH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lãi/ (Lỗ) trước thuế *	01	6.500.821.770	(3.207.466.036)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	105.012.733	196.936.605
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(16.094.294.953)	(5.705.923.751)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.488.460.450)	(8.716.453.182)
- Giảm các khoản phải thu	09	5.823.568.692	576.052.106
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.022.757.718)	20.115.019.979
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(29.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.716.649.476)	11.974.618.903
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(113.596.384)	(56.467.133)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(97.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	105.970.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.234.720.733	5.705.923.751
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(88.878.875.651)	111.619.456.618
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	200.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	200.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	106.404.474.873	123.594.075.521
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	664.844.425.832	47.472.617.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	771.248.900.705	171.066.692.539

Đồng Nai, ngày 18 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CP DẦU KHÍ VÀ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Nguyễn Đức Nhơn
Người lập biểu

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000541, ngày 14 tháng 05 năm 2008 (đăng ký thay đổi và điều chỉnh lần thứ 05 số 3601010336 ngày 11 tháng 10 năm 2016) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601010336 thay đổi lần thứ 05 ngày 11 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 900.000.000.000 VND, tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Trong kỳ, Công ty thực hiện tăng vốn thêm 200.000.000.000 VND Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 33/NQ-PAP ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc thông qua “Phương án tăng vốn điều lệ từ 900 tỷ đồng lên 1.100 tỷ đồng” bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty TNHH MTV Hoành Sơn (Cổ đông chi phối). Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty TNHH MTV Hoành Sơn đã góp đủ số vốn điều lệ tăng thêm, hiện tại Công ty đang thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Vốn thực tế góp của các cổ đông tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	66.000.000	660.000.000.000	60,00%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	35.000.000	350.000.000.000	31,82%
Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi)	7.500.000	75.000.000.000	6,82%
Các cổ đông khác	1.500.000	15.000.000.000	1,36%
Cộng	110.000.000	1.100.000.000.000	100,00%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 58 người (tại ngày 31/12/2016 là 70 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics và các dịch vụ khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	Chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoành Sơn
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	Cổ đông chiếm 60,00 % vốn chủ sở hữu
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông chiếm 31,82 % vốn chủ sở hữu
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Đơn vị có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành	Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế chưa sử dụng là 22.261.082.936 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên trong báo cáo này, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	351.337.293	55.236.156
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	201.777.563.412	739.189.676
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	569.120.000.000	664.050.000.000
	771.248.900.705	664.844.425.832

Ghi chú:

- i. Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngày 30/06/2017 bao gồm khoản 200.000.000.000 Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn đã bổ sung vốn điều lệ tại ngày 30/06/2017.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tạm ứng	96.415.432	80.000.000
Ký quỹ, ký cược	66.175.000	16.175.000
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội	2.273.451	9.961.600
Lãi dự thu	7.859.574.220	6.124.042.915
	8.024.438.103	6.230.179.515

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Tăng	Giảm	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	786.072.782	257.650.409	-	528.422.373
Thuế TNDN nộp thừa	32.827.459	-	-	32.827.459
	818.900.241	257.650.409	-	561.249.832
	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
b) Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	49.459.862	158.602.218	(114.769.406)	5.627.050
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	49.459.862	161.602.218	(117.769.406)	5.627.050

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu kỳ	9.269.649.688	327.713.999	9.597.363.687
Tại ngày cuối kỳ	9.269.649.688	327.713.999	9.597.363.687
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu kỳ	9.081.860.049	295.378.132	9.377.238.181
- Khấu hao trong kỳ	99.179.401	5.833.332	105.012.733
Tại ngày cuối kỳ	9.181.039.450	301.211.464	9.482.250.914
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	187.789.639	32.335.867	220.125.506
Tại ngày cuối kỳ	88.610.238	26.502.535	115.112.773

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 8.846.570.051 VND (tại ngày 01/01/2017 là 7.968.579.142 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán có nguyên giá 41.733.000 VND, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

10. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng	143.519.015.297	143.519.015.297	143.519.015.297	143.519.015.297
Lập dự án đầu tư	11.150.794.545	11.150.794.545	11.150.794.545	11.150.794.545
Chi phí triển khai dự án	18.658.044.965	18.658.044.965	18.658.044.965	18.658.044.965
Khảo sát địa chất	15.014.077.229	15.014.077.229	15.009.077.229	15.009.077.229
Rà soát bom mìn	16.100.764.040	16.100.764.040	16.100.764.040	16.100.764.040
Thiết kế bản vẽ thi công	16.165.143.740	16.165.143.740	16.165.143.740	16.165.143.740
Chi phí khác	8.019.503.260	8.019.503.260	7.817.344.392	7.817.344.392
	228.627.343.076	228.627.343.076	228.420.184.208	228.420.184.208

Các chi phí này liên quan đến việc thực hiện dự án Cảng Phước An, tuyến đường kết nối vào Cảng và Khu dịch vụ hậu cần Cảng.

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	156.169.446	-
Bảo hiểm y tế	27.559.314	-
Kinh phí công đoàn	17.564.916	-
Bảo hiểm thất nghiệp	12.248.584	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương (i)	13.345.884.000	13.345.884.000
Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Nhơn Trạch (ii)	1.377.433.544	1.377.433.544
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro	89.021.105	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	34.001.002	-
	15.059.881.911	14.723.317.544

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản tiền của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương góp vốn để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 08 năm 2011 tại Dự Án Cảng Phước An với tư cách nhà đầu tư thứ cấp. Số tiền này tương đương với tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần diện tích đất 196.507,5 m² theo phê duyệt của UBND huyện Nhơn Trạch cho các hộ dân bị thu hồi ủy quyền cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương nhận.
- (ii) Đây là khoản tiền bồi thường và tiền lãi không kỳ hạn phát sinh tương ứng của một số hộ dân nằm trong diện tích giải tỏa tại Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An và tuyến đường kết nối vào cảng, xã Long Thọ và xã Phước An, huyện Nhơn Trạch nhưng các hộ dân này chưa nhận tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ủy thác quản lý vốn có thời hạn 6 tháng	97.000.000.000	97.000.000.000	-	-	-	-
	97.000.000.000	97.000.000.000	-	-	-	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông công nghệ cao (i)	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)
	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)

Ghi chú:

- (i) Số vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông công nghệ cao được góp theo mệnh giá với tỷ lệ vốn góp là 10% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông công nghệ cao đã có số lỗ lũy kế vượt quá số Vốn chủ sở hữu, do đó, Công ty vẫn duy trì mức trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 100% đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông công nghệ cao theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013. Mọi khoản điều chỉnh chi phí trích lập dự phòng đầu tư tài chính nếu có sẽ được điều chỉnh tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2016	440.000.000.000	7.644.654.711	2.069.929.634	(30.562.893.226)	419.151.691.119
Tăng vốn	460.000.000.000	-	-	-	460.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.640.986.661	1.640.986.661
Số dư tại 31/12/2016	900.000.000.000	7.644.654.711	2.069.929.634	(28.921.906.565)	880.792.677.780
Tăng vốn (i)	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	6.500.821.770	6.500.821.770
Số dư tại 30/06/2017	1.100.000.000.000	7.644.654.711	2.069.929.634	(22.421.084.795)	1.087.293.499.550

Đơn vị: VND

Ghi chú: (i) Trong kỳ Công ty thực hiện tăng vốn thêm 200.000.000.000 VND theo Điều 8, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 33/NQ-PAP ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc thông qua “Phương án tăng vốn điều lệ từ 900 tỷ đồng lên 1.100 tỷ đồng” bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn (Cổ đông chỉ phối) theo Tờ trình số 22/TTTr-HĐQT ngày 06 tháng 01 năm 2017. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn đã góp đủ số vốn điều lệ tăng thêm, hiện tại Công ty đang thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601010336 thay đổi lần thứ 05 ngày 11 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 900.000.000.000 VND, tương đương 99.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn thực góp đã được các cổ đông góp như sau:

	Tại ngày cuối kỳ		Tại ngày đầu kỳ	
	Vốn góp VND	Tỉ lệ %	Vốn góp VND	Tỉ lệ VND
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	660.000.000.000	60,00%	460.000.000.000	51,11%
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	350.000.000.000	31,82%	350.000.000.000	38,89%
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	75.000.000.000	6,82%	75.000.000.000	8,33%
Các cổ đông khác	15.000.000.000	1,36%	15.000.000.000	1,67%
	1.100.000.000.000	100,00%	900.000.000.000	48,89%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.000.000	90.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	90.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.000.000	90.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	90.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngoại tệ USD	1.814,93	1.821,52

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Toàn bộ doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ này và kỳ trước là lãi tiền gửi.

16. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	600.000
	-	600.000
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	5.429.692.543	5.482.376.845
Chi phí vật liệu quản lý	618.156.611	946.053.496
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.045.455	23.181.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	105.012.733	196.936.605
Thuế, phí và lệ phí	7.569.961	10.606.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.381.995.880	2.272.529.123
	9.597.473.183	8.931.684.222

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi/ (Lỗ) trước thuế	6.500.821.770	(3.207.466.036)
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	(6.500.821.770)	728.941.836
Cộng: chi phí không được trừ (i)	30.000.000	728.941.836
Chuyển lỗ các năm trước	(6.530.821.770)	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN		
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Ghi chú: (i) Chi phí không được trừ loại trừ khi tính thuế TNDN là phần thù lao trả cho thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại với số tiền 22.261.082.936 VND vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Số lỗ còn được chuyển tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2016		Số lỗ được chuyển đến 30/06/2017		Số lỗ còn được chuyển sang năm sau
	Số lỗ VND	Kỳ chuyển lỗ Năm	Số lỗ chuyển trong kỳ tính thuế này VND	Số lỗ chuyển trong kỳ tính thuế này VND	
2013	(7.762.415.185)	2014 - 2018	(1.664.986.661)	(6.097.428.524)	6.097.428.524
2014	(10.992.872.717)	2015 - 2019	-	(10.992.872.717)	433.393.246
2015	(11.701.603.465)	2016 - 2020	-	(11.701.603.465)	-
	(30.456.891.367)		(1.664.986.661)	(28.791.904.706)	6.530.821.770

19. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế	6.500.821.770	(3.207.466.036)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.500.821.770	(3.207.466.036)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.109.890	6.269.934
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	72,14	(511,56)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 93.562.484 đồng, là giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	771.248.900.705	664.844.425.832	771.248.900.705	664.844.425.832
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.958.263.103	6.214.004.515	7.958.263.103	6.214.004.515
Đầu tư tài chính ngắn hạn	97.000.000.000	-	97.000.000.000	-
Các khoản ký quỹ	66.175.000	16.175.000	66.175.000	16.175.000
	876.273.338.808	671.074.605.347	876.273.338.808	671.074.605.347
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	15.184.800.643	14.808.029.424	15.184.800.643	14.808.029.424
	15.184.800.643	14.808.029.424	15.184.800.643	14.808.029.424

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/ giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Điều hành sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Điều hành về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/ giảm các khoản tương ứng như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	36,30	36,43

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
Tại ngày cuối kỳ		
Tiền và các khoản tương đương tiền	771.248.900.705	771.248.900.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.958.263.103	7.958.263.103
Đầu tư tài chính ngắn hạn	97.000.000.000	97.000.000.000
Các khoản ký quỹ	66.175.000	66.175.000
	876.273.338.808	876.273.338.808
Tại ngày cuối kỳ		
Phải trả người bán và phải trả khác	15.184.800.643	15.184.800.643
	15.184.800.643	15.184.800.643
Chênh lệch thanh khoản thuần	861.088.538.165	861.088.538.165

NH
 CH
 TỶ
 HỮ
 DAN
 CO
 T.P

110
 G
 H
 Đ
 TH
 HỮ
 H-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày đầu kỳ		
Tiền và các khoản tương đương tiền	664.844.425.832	664.844.425.832
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.214.004.515	6.214.004.515
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Các khoản ký quỹ	16.175.000	16.175.000
	<u>671.074.605.347</u>	<u>671.074.605.347</u>
Tại ngày đầu kỳ		
Phải trả người bán và phải trả khác	14.808.029.424	14.808.029.424
	<u>14.808.029.424</u>	<u>14.808.029.424</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>656.266.575.923</u>	<u>656.266.575.923</u>

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Cổ đông chiếm 60,00 % vốn chủ sở hữu
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông chiếm 31,82 % vốn chủ sở hữu
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Đơn vị có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch và số dư với các bên liên quan:

Lương của Ban Điều hành trong kỳ được hưởng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập Ban Điều hành và thành viên chủ chốt	1.131.375.371	806.186.242



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CP DẦU KHÍ VÀ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN



Nguyễn Đức Nhơn
Người lập biểu



Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

